

26	270	54	AA 00620018	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
27	271	54	AA 00620013	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
28	272	54	AA 00620014	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
29	273	54	AA 00620015	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
30	274	54	AA 00620207	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
31	275	54	AA 00620208	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
32	276	54	AA 00620209	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
33	277	54	AA 00620204	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
34	278	54	AA 00620211	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
35	279	54	AA 00620212	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
LK4											
1	356	144	AA 05019971	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	127.4	66.6	391.6	52.3	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M27. Lô góc LK4, LK5 nhà ở
2	357	144	AA 05019972	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
3	280	144	AA 05019973	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
4	281	54	AA 00620199	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
5	282	54	AA 00620198	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
6	283	54	AA 00620195	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
7	284	54	AA 00620196	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
8	285	54	AA 00620194	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
9	286	54	AA 00620193	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
10	287	54	AA 00620192	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
11	288	54	AA 00620191	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
12	289	54	AA 00620190	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
13	290	54	AA 00620189	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
14	291	54	AA 00620188	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
15	292	54	AA 00620187	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	97.0	70.0	323.0	77.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M14. Lô góc 14m kinh doanh có tầng lửng
16	293	54	AA 00620186	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
17	294	54	AA 00620185	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
18	295	54	AA 00620184	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
19	296	54	AA 00620183	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
20	297	54	AA 00620182	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
21	298	54	AA 00620181	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	323.0	77.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M14. Lô góc 14m kinh doanh có tầng lửng
22	299	54	AA 00620110	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	97.0	70.0	323.0	77.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
23	300	54	AA 00620108	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
24	301	54	AA 00620107	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
25	302	54	AA 00620106	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
26	303	54	AA 00620105	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
27	304	54	AA 00620104	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
28	305	54	AA 00620103	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
29	306	54	AA 00620102	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
30	307	54	AA 00620101	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
31	308	144	AA 05019974	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
32	358	144	AA 05019975	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
33	359	144	AA 04989045	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
34	360	144	AA 04989044	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng

35	361	144	AA 04989043	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
36	362	144	AA 04989037	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	131.9	66.6	391.6	50.4	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M27. Lô góc LK4, LK5 nhà ở
LK5											
1	363	144	AA 04989036	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	131.9	66.6	391.6	50.4	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M27. Lô góc LK4, LK5 nhà ở
2	364	144	AA 04989035	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
3	365	144	AA 04989042	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
4	366	144	AA 04989041	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
5	367	144	AA 04989040	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
6	368	144	AA 04989038	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
7	369	144	AA 05019797	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
8	370	144	AA 05019798	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
9	371	144	AA 05019799	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
10	372	144	AA 05019800	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
11	373	144	AA 04989050	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
12	374	144	AA 04989049	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
13	375	144	AA 04989048	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
14	376	144	AA 04989047	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
15	310	54	AA 00620180	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	97.0	70.0	323.0	77.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M14. Lô góc 14m kinh doanh có tầng lửng
16	377	144	AA 04989046	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
17	378	144	AA 05019787	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
18	379	144	AA 05019788	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
19	380	144	AA 05019789	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
20	381	144	AA 05019790	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
21	382	144	AA 05019791	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	105	70.0	287.0	66.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M7. Lô giữa 14m kinh doanh có tầng lửng
22	383	144	AA 05019793	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	97	70.0	323.0	77.7	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M14. Lô góc 14m kinh doanh có tầng lửng
23	384	144	AA 05019792	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
24	385	144	AA 05019794	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
25	386	144	AA 05019795	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng
26	387	144	AA 05019796	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	100	66.6	283.6	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M5. Lô giữa 14m nhà ở có tầng lửng

[illegible]

36	779	22	AA 00620036	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
37	780	22	AA 00620037	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
38	781	22	AA 00620038	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
39	782	22	AA 00620039	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
40	783	22	AA 00620040	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
41	784	22	AA 00620041	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	205.0	66.6	3 tầng + áp mái	M37. Lô giữa kinh doanh LK11
42	785	22	AA 00620042	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	109.0	60.0	224.4	55.0	3 tầng + áp mái	M22. Lô góc kinh doanh LK11
LK12											
1	786	22	AA 00620043	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	91.0	66.0	259.5	72.5	3 tầng + áp mái	M18. Lô góc kinh doanh LK12
2	787	22	AA 00620044	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
3	788	22	AA 00620045	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
4	789	22	AA 00620046	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
5	790	22	AA 00620047	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
6	791	22	AA 00620048	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
7	792	22	AA 00620049	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
8	793	22	AA 00620050	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
9	968	22	AA 04989034	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
10	969	22	AA 04989033	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
11	970	22	AA 04989032	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
12	971	22	AA 04989011	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
13	972	22	AA 04989030	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
14	973	22	AA 04989029	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	208.5	66.6	3 tầng + áp mái	M1. Lô giữa 12m kinh doanh không có tầng lửng
15	974	22	AA 04989028	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	142.7	60.0	240.2	42.0	3 tầng + áp mái	M29. Lô góc LK12 số 15
16	975	22	AA 04989012	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	76.6	50.0	189.5	65.3	3 tầng + áp mái	M30. Lô góc LK12 số 16
17	976	22	AA 04989026	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
18	977	22	AA 04989025	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
19	978	22	AA 04989024	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
20	979	22	AA 04989023	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
21	980	22	AA 04989022	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
22	981	22	AA 04989021	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
23	982	22	AA 04989020	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
24	795	22	AA 04989019	05/12/2025	Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
25	796	22	AA 00620051	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng

26	797	22	AA 00620052	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
27	798	22	AA 00620053	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
28	799	22	AA 00620054	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
29	800	22	AA 00620055	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
30	801	22	AA 00620056	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	75.0	57.5	201.5	76.6	3 tầng + áp mái	M10. Lô giữa LK12 nhà ở không có tầng lửng
31	802	22	AA 00620057	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	74.5	62.0	246.5	80.0	3 tầng + áp mái	M39. Lô góc nhà ở LK12
LK13											
9	811	22	AA 00620066	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
10	812	22	AA 00620067	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
11	813	22	AA 00620068	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
12	814	22	AA 00620069	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
13	815	22	AA 00620070	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
14	816	22	AA 00620074	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
15	817	22	AA 00620072	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
16	818	22	AA 00620073	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
17	819	22	AA 00620071	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
18	820	22	AA 00620075	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
19	821	22	AA 00620090	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	110.4	69.1	276.3	62.6	3 tầng + áp mái	M32. Lô góc LK13 số 19
20	822	22	AA 00620215	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	201.9	66.6	276.6	33.0	3 tầng + áp mái	M31. Lô góc LK13 số 20
21	823	22	AA 00620216	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
22	824	22	AA 00620213	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
23	825	22	AA 00620217	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
24	826	22	AA 00620218	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
25	827	22	AA 00620219	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
26	828	22	AA 00620220	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
27	829	22	AA 00620221	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
28	830	22	AA 00620222	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
29	831	22	AA 00620223	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
30	832	22	AA 00620224	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
LK14											
9	841	22	AA 00620234	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
10	842	22	AA 00620235	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
11	843	22	AA 00620236	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
12	844	22	AA 00620237	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
13	845	22	AA 00620238	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
14	846	22	AA 00620239	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
15	847	22	AA 00620240	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
16	848	22	AA 00620241	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
17	849	22	AA 00620242	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
18	850	22	AA 00620243	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
19	851	22	AA 00620244	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
20	852	22	AA 00620245	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
21	853	22	AA 00620247	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
22	854	22	AA 00620248	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	147.5	66.6	276.6	45.3	3 tầng + áp mái	M33. Lô góc LK14 số 21
23	855	22	AA 00620249	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	141.8	66.6	276.6	47.0	3 tầng + áp mái	M34. Lô góc LK14 số 22
24	856	22	AA 00620250	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
25	857	22	AA 00620401	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
26	858	22	AA 00620402	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
27	859	22	AA 00620403	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
28	860	22	AA 00620405	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
29	861	22	AA 00620406	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	66.6	240.6	66.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng

[illegible][illegible]

3	909	22	AA 00620353	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	244.0	70.0	3 tầng + áp mái	M8. Lô giữa 14m kinh doanh không có tầng lửng
4	910	22	AA 00620354	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	244.0	70.0	3 tầng + áp mái	M8. Lô giữa 14m kinh doanh không có tầng lửng
5	911	22	AA 00620355	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	105.0	70.0	244.0	70.0	3 tầng + áp mái	M8. Lô giữa 14m kinh doanh không có tầng lửng
6	912	22	AA 00620356	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	128.5	70.0	280.0	54.5	3 tầng + áp mái	M19. Lô góc số 6 LK16
7	913	22	AA 00620357	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	152.2	66.6	240.6	43.8	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
8	914	22	AA 00620358	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	140.0	66.6	240.6	47.6	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
9	915	22	AA 00620359	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	127.7	66.6	240.6	52.2	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
10	916	22	AA 00620360	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	116.7	66.6	240.6	57.1	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
11	917	22	AA 00620330	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	107.8	66.6	240.6	61.8	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
12	918	22	AA 00620342	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.5	66.6	240.6	66.3	3 tầng + áp mái	M6. Lô giữa 14m nhà ở không có tầng lửng
13	919	22	AA 00620343	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	94.2	57.0	205.5	63.3	3 tầng + áp mái	M2. Lô giữa 12m nhà ở không có tầng lửng
14	920	22	AA 00620344	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	96.3	57.8	210.3	64.2	3 tầng + áp mái	M9. Lô giữa 11m nhà ở không có tầng lửng
15	921	22	AA 00620345	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	91.3	57.8	210.3	64.2	3 tầng + áp mái	M9. Lô giữa 11m nhà ở không có tầng lửng
16	922	22	AA 00620346	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	91.0	57.8	210.3	64.2	3 tầng + áp mái	M9. Lô giữa 11m nhà ở không có tầng lửng
17	923	22	AA 00620347	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.8	57.8	210.3	64.2	3 tầng + áp mái	M9. Lô giữa 11m nhà ở không có tầng lửng
18	924	22	AA 00620348	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	87.1	52.4	191.4	60.2	3 tầng + áp mái	M42. Mẫu số 18 LK16
LK17											
1	925	22	AA 00620349	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	72.0	322.0	72.0	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M17. Lô góc LK17
2	926	22	AA 00620350	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
3	927	22	AA 00620353	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
4	928	22	AA 00620341	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
5	929	22	AA 00620340	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
6	930	22	AA 00620339	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
7	931	22	AA 00620338	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
8	932	22	AA 00620337	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
9	933	22	AA 00620336	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
10	934	22	AA 00620335	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
11	935	22	AA 00620334	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
12	936	22	AA 00620333	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	90.0	60.0	244.5	66.6	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M4. Lô giữa 12m kinh doanh có tầng lửng
13	937	22	AA 00620351	24/01/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	100.0	72.0	322.0	72.0	3 tầng + tầng lửng + áp mái	M17. Lô góc LK17
Tổng cộng						47.685					